

**CTCP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN  
ĐỨC LONG GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08 /CV-DL1

V/v Công bố thông tin BCTC công ty mẹ,  
BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2016 và CV  
giải trình chênh lệch.

Gia Lai, ngày 10 tháng 04 năm 2017

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.**

- 1. Tên Công ty:** Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai
- 2. Mã chứng khoán:** DL1
- 3. Địa chỉ trụ sở chính:** 43 Lý Nam Đế, P. Trà Bá, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai
- 4. Điện thoại:** 0593 829 021 Fax: 0593 829 021
- 5. Người thực hiện công bố thông tin:** Nguyễn Tường Cột
- 6. Nội dung thông tin công bố :**

6.1 Báo cáo tài chính công ty mẹ đã được kiểm toán năm 2016 của Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai được lập ngày 08 / 04 / 2017 bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo Kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh Báo cáo tài chính.

6.2 Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2016 của Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai được lập ngày 08 / 04 / 2017 bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo Kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh Báo cáo tài chính.

6.3 Công văn giải trình LNST năm 2016 thay đổi trên 10% so với năm 2015 và chênh lệch trước và sau kiểm toán trên 5%.

**7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ Báo cáo tài chính:**

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 10./04/2017 tại đường dẫn: <http://www.dl1.com.vn/quan-he-co-dong/bao-cao-tai-chinh>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VT+ BQHNDT.



Số: 55.../CV-DL1

Gia Lai, ngày 10 tháng 04 năm 2017

V/v Giải trình LNST năm 2016 thay đổi  
trên 10% so với năm 2015 và chênh lệch  
trước và sau kiểm toán trên 5%

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**

**Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Căn cứ Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất năm 2016 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán AAC; Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 năm 2016

Công ty xin giải trình lợi nhuận sau thuế năm 2016 thay đổi so với năm 2015 và lợi nhuận sau thuế chênh lệch trước và sau kiểm toán như sau:

**A. Giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh thay đổi từ 10% trở lên năm 2016 so với năm 2015:**

**I. Giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước trên BCTC riêng lẻ:**

Chỉ tiêu	Số liệu kiểm toán		Chênh lệch (3)=(1)-(2)	% Tăng/ giảm (4)=(3)/(2)
	Năm 2016	Năm 2015		
	(1)	(2)		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.418.632.040	5.522.115.323	8.896.516.717	161%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.898.796.235	1.285.894.329	1.612.901.906	125,4%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.519.835.805	4.236.220.994	7.283.614.811	171,9%

Quá trình sản xuất năm 2016 so với năm 2015 cơ sở tăng doanh thu và tăng lợi nhuận

- Lưu lượng khách các tuyến tăng, doanh thu kỳ này tăng 38,74% so với cùng kỳ năm trước

- Cơ cấu giá vốn hàng bán chiếm trong doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ kỳ này chiếm 36,9%, cùng kỳ năm trước chiếm 50,7 %

- Doanh thu hoạt động tài chính tăng so với cùng kỳ năm trước

- Chi phí tài chính tăng 277,2 % so với cùng kỳ năm trước

- Chi phí bán hàng tăng 26,9 % so với cùng kỳ năm trước

- Chi phí quản lý giảm 19,6% so với cùng kỳ năm trước

Chi phí giảm so với cùng kỳ năm trước, cơ cấu chi phí kỳ này chiếm trong doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ như chi phí bán hàng kỳ này chiếm 3,78 %, kỳ trước chiếm 4,13 % . Chi phí quản lý kỳ này chiếm 9,33% , kỳ trước chiếm 16,1 %.

**II. Giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước trên BCTC hợp nhất : Năm 2015 đơn vị không hợp nhất**

**B. Giải trình số liệu BCTC năm 2016 có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên:**

**I. Các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán riêng:**

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	SỐ LIỆU TRƯỚC KIỂM TOÁN	SỐ LIỆU SAU KIỂM TOÁN	CHÊNH LỆCH
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	(890.713.624)	(1.300.360.089)	(409.646.465)
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>	<b>188.367.696.433</b>	<b>187.958.049.968</b>	<b>(409.646.465)</b>
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	1.121.460.379	861.388.361	(260.072.018)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>188.367.696.433</b>	<b>187.958.049.968</b>	<b>(409.646.465)</b>

1. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn tăng 409.646.465 VNĐ chủ yếu là do ghi nhận lỗ của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Tây Nguyên - Công ty con của Công ty tăng 426.564.525 VNĐ

2. Lợi nhuận giảm là do ghi nhận thiếu chi phí tài chính trên BCTC tự lập tương ứng Lợi nhuận trước thuế giảm dẫn đến thuế TNDN giảm theo thuế suất 20% một khoản tương ứng.

**II. Các chỉ tiêu trên báo cáo kết quả kinh doanh riêng:**

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	SỐ LIỆU TRƯỚC KIỂM TOÁN	SỐ LIỆU SAU KIỂM TOÁN	CHÊNH LỆCH
Chi phí tài chính	22	347.051.069	1.647.411.158	1.300.360.089
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	15.718.992.129	14.418.632.040	(1.300.360.089)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	3.158.868.253	2.898.796.235	(260.072.018)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	12.560.123.876	11.519.835.805	(1.040.288.071)

1. Chi phí tài chính tăng 1.300.360.089 VNĐ là do Công ty ghi nhận chi phí thiếu số tiền trên BCTC tự lập

2. Lợi nhuận giảm là do ghi nhận thiếu chi phí tài chính trên BCTC tự lập tương ứng Lợi nhuận trước thuế giảm dẫn đến thuế TNDN giảm theo thuế suất 20% và Lợi nhuận sau thuế giảm theo tương ứng.

3. Các điều chỉnh khác có ảnh hưởng không đáng kể.

**III. Các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất:**

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	SỐ LIỆU TRƯỚC KIỂM TOÁN	SỐ LIỆU SAU KIỂM TOÁN	CHÊNH LỆCH
Tiền	111	3.235.636.375	3.484.499.492	248.863.117
Phải thu ngắn hạn khác	136	2.077.387.560	1.915.627.560	(161.760.000)
Chi phí trả trước dài hạn	261	643.612.764	694.609.303	50.996.539
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>	<b>248.086.198.682</b>	<b>247.452.119.951</b>	<b>(634.078.731)</b>
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	374.441.767	67.000.000	(307.441.767)
Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	313	2.821.706.292	2.637.397.711	(184.308.581)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	0	260.072.018	260.072.018
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>248.086.198.682</b>	<b>247.452.119.951</b>	<b>(634.078.731)</b>

1. Tiền tăng 248.863.117 VNĐ là do Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện Kim Tây Nguyên – Công ty con khách hàng trả nợ trong niên độ kế toán nhưng ghi nhận sai số tiền thu trên BCTC tự lập.

2. Phải thu ngắn hạn khác giảm 161.760.000 VNĐ là do Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện Kim Tây Nguyên- Công ty con ghi sai đối tượng công nợ trên BCTC tự lập, điều chỉnh đối tượng công nợ phải thu ngắn hạn khác sang đối tượng phải thu ngắn hạn của khách hàng .

3. Chi phí trả trước dài hạn tăng 50.996.539 VNĐ là do Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện Kim Tây Nguyên- Công ty con chi phí phát sinh trong niên độ kế toán ghi nhận sai niên độ kế toán và điều chỉnh lại.

4. Người mua trả tiền trước giảm 307.441.767 VNĐ là do Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện Kim Tây Nguyên- Công ty con khách trả nợ cho khoản phải thu của Công ty, Công ty ghi nhận sai khách hàng trả trước khoản phát sinh mới.

5. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước là do Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện Kim Tây Nguyên – Công ty con :

a. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ sau kiểm toán giảm 678.090.702 VNĐ do Công ty con ghi nhận doanh thu bán đá sai niên độ kế toán. Công ty con chưa hoàn tất các mặt hàng sản phẩm và chuyển giao lợi ích cho người mua nên chưa thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu.

b. Doanh thu tài chính tăng 596.868.397 VNĐ Công ty con ghi nhận thiếu doanh thu tài chính từ các khoản cho vay cá nhân .

c. Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 339.406.201 VNĐ Công ty con ghi thiếu chi phí quản lý doanh nghiệp về tiền lương, chí phí quản lý khác.

6. Các điều chỉnh khác ảnh hưởng không đáng kể.

**IV. Các chỉ tiêu trên bảng báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất:**

	MÃ SỐ	SỐ LIỆU TRƯỚC KIỂM TOÁN	SỐ LIỆU SAU KIỂM TOÁN	CHÊNH LỆCH
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	200.028.987.317	199.350.896.615	(678.090.702)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	1.819.878.070	2.416.746.467	596.868.397
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	3.374.375.243	3.713.781.444	339.406.201
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	3.230.451.845	2.970.379.827	(260.072.018)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	0	260.072.018	260.072.018
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	12.163.898.974	11.590.995.349	(572.903.625)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61	12.105.801.036	11.581.328.088	(524.472.948)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	58.097.938	9.667.261	(48.430.677)

1. Lợi nhuận sau thuế TNDN thuộc cổ đông công ty mẹ sau kiểm toán giảm 524.472.948 VNĐ và lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát giảm 48.430.677 VNĐ so với số liệu trước kiểm toán chủ yếu do điều chỉnh các khoản doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ, Doanh thu hoạt động tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp đã trình bày Mục III (5).

2. Chi phí thuế TNDN hiện hành giảm và thuế TNDN hoãn lại tăng do trên báo Công ty mẹ riêng không ghi nhận chi phí tài chính để giảm thuế TNDN và loại trừ thuế TNDN hoãn lại.

3. Các điều chỉnh khác ảnh hưởng không đáng kể.

Trên đây là giải trình cho các chênh lệch trọng yếu của BCTC đã kiểm toán so với số liệu trước kiểm toán của Công ty về nội dung liên quan đến báo cáo tài chính riêng lẻ và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016.

Trân trọng kính chào !

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu KT

**CTCP ĐTPT DV CTCC  
ĐỨC LONG GIA LAI**

**Giám đốc**



**Nguyễn Tường Cột**